

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 26 - 8 - 2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Nguyên và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Cao Thị Bích C**, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 6, ấp H H, xã H X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Ông **Phan Thế P**, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp x, xã P Đ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Bà C và ông P vắng mặt nhưng đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2022 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị Bích C trình bày:

Bà và ông Phan Thế P chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng từ đó đến nay, bà và ông P không đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung, bà và ông P có xảy ra cãi vã, mâu thuẫn với nhau do ông P không chịu khó làm ăn, lại thường ghen tuông vô cớ nên làm cho tình cảm hai bên phai nhạt. Từ tháng 02/2021, ông P chuyển về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay. Do không còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thế P.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông P có 02 con chung là Phan Cao Tường V, sinh ngày 19/5/2012 và Cao Thanh Đ, sinh ngày 15/12/2017. Nay ly

hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông P không có nợ chung bất kỳ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai ngày 12/4/2022, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Phan Thế P trình bày:*

Lời trình bày của bà C về hôn nhân, con, tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật. Ông và bà C sống chung với nhau từ khoảng năm 2010 nhưng từ đó đến nay, ông và bà C không đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung, giữa ông và bà C cũng có xảy ra cự cãi nhưng không có mâu thuẫn gì lớn, chủ yếu do bản thân ông thấy mặc cảm vì phải ở chung với gia đình cha mẹ đẻ của bà C nên từ tháng 02/2021, ông đã về nhà cha mẹ đẻ sinh sống nên ông và bà Phương sống ly thân cho đến nay. Do ông vẫn còn tình cảm với bà C và không muốn con cái sống cảnh có mẹ, thiếu cha nên ông không đồng ý ly hôn với bà Cao Thị Bích C.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà C có 02 con chung là Phan Cao Tường V, sinh ngày 19/5/2012 và Cao Thanh Đ, sinh ngày 15/12/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà C ly hôn thì ông đồng ý giao cả hai con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và Bà C không có nợ chung bất kỳ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 85, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 14, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 28, 35, 39, 147 của bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Cao Thị Bích C và ông Phan Thế P là vợ chồng. Giao các con chung là Phan Cao Tường V, sinh ngày 19/5/2012 và Cao Thanh Đ, sinh ngày 15/12/2017 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu; tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Thế P cư trú tại Ấp x, xã P Đ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông P và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông P. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà C là nguyên đơn, ông P là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự thừa nhận đã chung sống với nhau khoảng năm 2010 - 2011 và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; lời khai của các đương sự phù hợp với Biên bản xác minh ngày 31/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và Xác nhận ngày 02/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã H X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang trong Đơn xin xác nhận ngày 02/3/2022 của bà Cao Thị Bích C. Trong thời gian sống sống, các đương sự xảy ra mâu thuẫn và từ tháng 02/2021 các đương sự không còn chung sống với nhau.

Do đó, tình tiết các đương sự chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định theo quy định của pháp luật là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, Điều 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án xét xử vụ án, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là vợ chồng.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thừa nhận có 02 (hai) con chung là: Phan Cao Tường V, sinh ngày 19/5/2012 và Cao Thanh Đ, sinh ngày 15/12/2017. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và ông P cũng đồng ý với yêu cầu của bà C. Vì vậy, giao cháu Vy và cháu Đạt cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[2.4.] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 14, 51, 53, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Cao Thị Bích C và ông Phan Thế P là vợ chồng.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 02 (hai) con chung là Phan Cao Tường V, sinh ngày 19/5/2012 và Cao Thanh Đ, sinh ngày 15/12/2017. Giao cháu Vy và cháu Đạt cho bà C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Cao Thị Bích C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002338 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được trừ vào án phí. Bà C đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã H X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam